

## Contents

SQL Database .....	2
<b>SQL CREATE DATABASE Statement</b> .....	2
<b>SQL DROP DATABASE Statement</b> .....	2
<b>SQL CREATE TABLE Statement</b> .....	2
<b>SQL DROP TABLE Statement</b> .....	3
<b>SQL ALTER TABLE Statement</b> .....	3

## SQL Database

C:\ProgramData\MySQL\MySQL Server 8.0\Data\...

### SQL CREATE DATABASE Statement

Xem các database hiện thời:

**SHOW DATABASES;**

Tạo database:

**CREATE DATABASE** *databasename*;

### SQL DROP DATABASE Statement

Xóa database

**DROP DATABASE** *databasename*;

### SQL CREATE TABLE Statement

Cú pháp :

```
CREATE TABLE table_name (  
    column1 datatype,  
    column2 datatype,  
    column3 datatype,  
    ....  
);
```

Vd: tạo bảng trống

```
CREATE TABLE Persons (-- demo.Persons : tạo bảng trong database demo  
    PersonID int,  
    LastName varchar(255),  
    FirstName varchar(255),  
    Address varchar(255),  
    City varchar(255)  
);
```

=>

Mẹo: Bảng "Người" trống bây giờ có thể được lấp đầy bằng dữ liệu bằng câu lệnh SQL **INSERT INTO** .

```
SELECT * FROM demo.persons;
```

```
INSERT INTO persons (PersonID, LastName, FirstName, Address, City)
VALUES ('1', 'Tom B', 'Erichsen', 'Stavanger', 'Norway');
```

### SQL DROP TABLE Statement

Cú pháp xóa table:

```
DROP TABLE table_name;
```

Vd:

```
DROP TABLE persons;
```

Cú pháp xóa dữ liệu table:

```
TRUNCATE TABLE table_name;
```

Vd:

```
TRUNCATE TABLE persons;
```

### SQL ALTER TABLE Statement

Thêm cột:

```
ALTER TABLE table_name
ADD column_name datatype;
```

Vd:

```
ALTER TABLE persons
ADD Email varchar(255);
```

Xóa cột :

```
ALTER TABLE table_name
DROP COLUMN column_name;
```

Vd:

```
ALTER TABLE persons
DROP COLUMN Email;
```

```
ALTER TABLE persons
DROP COLUMN Email;
```

BẢNG ALTER - ALTER / MODIFY COLUMN

Để thay đổi kiểu dữ liệu của một cột trong bảng, hãy sử dụng cú pháp sau:

Cú pháp :

**ALTER TABLE** *table\_name*

**ALTER COLUMN** *column\_name* *datatype*;

Vd: int sang varchar(255)

ALTER TABLE persons

MODIFY PersonID varchar(255);